

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 340/2024/HS-ST

Ngày: 24/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 327/2024/TLST-HS ngày 25/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2024/QĐXXST-HS ngày 11/7/2024, đối với bị cáo:

Trần Phong N; sinh năm: 2002 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phong C và bà Trương Thị X; Bị cáo có vợ, chưa có con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2024 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Bà Trần Thị Khánh L, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: 325/34/6 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: F Tỉnh lộ 43, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2023, Trần Phong N quen biết với chị Trần Thị Khánh L qua mạng xã hội Facebook. Khoảng 17 giờ ngày 23/02/2024, N hẹn chị L đi uống nước tại quán trà sữa, tầng 5 trung tâm thương mại G, 2 P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi uống nước, chị L để 01 điện thoại Iphone 13 Promax, dung lượng 256GB màu vàng và 01 túi xách, do chị L mặc đầm không có túi nên N đề nghị cầm giùm túi xách và điện thoại cho chị L. Chị L đồng ý nên N dùng tay trái cầm hộ điện thoại di động của chị L và bỏ vào túi quần phía trước bên trái của mình, tay phải thì cầm túi xách giữ hộ cho chị L rồi cả hai đi lên tầng 6 để xem phim. Lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động chị L nên nói dối với chị L là để quên đồ tại tầng 5 và kêu chị L đợi để N xuống lấy đồ rồi N đưa lại túi xách cho chị L sau đó mang theo điện thoại của chị L đang để trong túi quần và đi xuống tầng trệt của trung tâm thương mại và đón xe ôm tầu thoát. N mang điện thoại vừa chiếm đoạt được của chị L đến cửa hàng điện cửa hàng điện thoại di động “Vũ Phát” tại số G, Đường E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bán nhưng cửa hàng không mua thì có anh Nguyễn Văn C1, chủ cửa hàng điện thoại di động “Hòa Phát Mobile” tại số F Tỉnh lộ 43, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đang ở cửa hàng “Vũ Phát” đồng ý mua điện thoại di động trên với giá 11.500.000 đồng rồi về cửa hàng của mình để bán lại. Sau khi bán được điện thoại của chị L, N đã sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/03/2024, N bị Công an phường H mời về làm việc. Đối với chị L, sau khi xảy ra sự việc thì chị L có đến Công an phường H trình báo.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T số 141-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 kết luận 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, dung lượng 256GB, màu vàng có trị giá 15.167.000 đồng (Bút lục 42).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Trần Phong N thừa nhận toàn bộ hành vi trên (Bút lục 89-90;118-119;122-123;129-132). Trên cơ sở lời khai của N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã rà soát camera tại Tầng E, Trung tâm thương mại G1, địa chỉ Số B đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận có camera ghi nhận sự việc. Tiến hành trích xuất hình ảnh cho Trần Phong N xác nhận, N thừa nhận hình ảnh người dùng tay cầm điện thoại di động của chị L bỏ vào túi quần trong đoạn camera chính là mình (Bút lục 78-80).

Tiến hành kiểm tra thực tế thì số seri, số ID của điện thoại vật chứng thu giữ do Nguyễn Văn C1 giao nộp, trùng khớp với số seri, số ID của chiếc hộp điện thoại mà chị Trần Thị Khánh L là người bị hại cung cấp.

Tiến hành khám xét chỗ ở là cửa hàng điện thoại di động đối với Nguyễn Văn C1, không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan.

Anh Nguyễn Văn C1 là người mua điện thoại mà N chiếm đoạt của chị Ly khai khi N bán điện thoại di động trên thì không có mặt khẩu và I, N nói không có nhu cầu sử dụng nữa nên bán thì C1 mới đồng ý mua, không biết điện thoại di động trên là tài sản do người khác phạm tội mà có và đồng ý tự nguyện giao nộp điện thoại di động trên phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu vàng, dung lượng 256 Gb. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị Khánh L (Bút lục 38);

- 01 (một) quần jean dài màu xám (thu giữ của Trần Phong N mặc trong lúc chiếm đoạt tài sản);

Trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn C1 yêu cầu Trần Phong N bồi thường số tiền 11.500.000 đồng (Bút lục 126).

- Chị Trần Thị Khánh L đã nhận lại được điện thoại nên không có yêu cầu khác (Bút lục 127).

Bản Cáo trạng số 331/CT-VKSTPTĐ ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Trần Phong N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận định giá, đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo N về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2024.

- + Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn C1 số tiền 11.500.000 đồng.

- + Về xử lý vật chứng: giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận đồng ý bồi thường số tiền 11.500.000 đồng cho anh C1 và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được về hòa nhập với cộng đồng làm công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là bà Trần Thị Khánh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C1 vắng mặt. Xét sự vắng mặt của các đương sự không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 17 giờ ngày 23/02/2024, tại trung tâm thương mại G, 2 P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, chị Trần Thị Khánh L giao N giữ hộ điện thoại Iphone 13 Promax, nhưng sau đó N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem đi bán kiếm tiền tiêu xài, giá trị tài sản qua định giá là 15.167.000 đồng. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định hành vi nêu trên của bị cáo Trần Phong N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu của chị L, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng bị can và phòng ngừa chung cho xã hội.

Cáo trạng số 331/CT-VKSTPTĐ ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Không có.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro Max 256GB màu vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị Trần Thị Khánh L là đúng quy định.

Đối với 01 quần jean dài màu xám (thu giữ của Trần Phong N mặc trong lúc chiếm đoạt tài sản) xét liên quan đến hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn C1 yêu cầu Trần Phong N bồi thường số tiền 11.500.000 đồng. Xét anh C1 tại thời điểm mua chiếc điện thoại từ Nam không biết do bị cáo N trộm cắp mà có, chiếc điện thoại đã được anh C1 giao nộp lại cơ quan điều tra, sau đó đã được hoàn trả cho bị hại là chị L. Bị cáo N chưa bồi thường số tiền nêu trên cho anh C1 và đồng ý bồi thường nên yêu cầu của anh C1 về việc buộc Trần Phong N bồi thường số tiền 11.500.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 575.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 357; Điều 468; Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự ;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Phong N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Phong N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 quần jean dài màu xám (thu giữ của Trần Phong N mặc trong lúc chiếm đoạt tài sản).

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 248/QĐ-VKSTPTĐ ngày 19/6/2024 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/6/2024).

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Phong N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C1 số tiền 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 575.000 (năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Minh Vương